

Bản án số: **10/2020/DS-ST**

Ngày: 14 - 5 - 2020.

V/v tranh chấp: *Hợp đồng dân sự
vay tài sản giữa bà T và bà Ka Th.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B - TỈNH LÂM ĐỒNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Đức Trường**
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Phạm Đức Minh**
2. Bà **Nguyễn Thị Tài**

Thư ký phiên tòa: Ông **Trương Quang Vũ** - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

Ngày **14** tháng **5** năm **2020** tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 178/2019/TLST-DS ngày 28 tháng 8 năm 2019 về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2020/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 01 năm 2020 giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Bà **Hồ Thị T**, sinh năm: 1980. Địa chỉ cư trú: Số 149 Lý Thường Kiệt, Phường X, Thành phố Y, tỉnh Lâm Đồng. (*Có mặt*).

* **Bị đơn:** Bà **Ka Th**, sinh năm: 1985. Địa chỉ cư trú: Thôn 4, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. (*Vắng mặt*).

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ông **K’ N**, sinh năm: 1983. Địa chỉ cư trú: Thôn 4, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. (*Vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 28 tháng 8 năm 2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Hồ Thị T trình bày:

Vào ngày 15/8/2019 bà T có cho bà Ka Th vay số tiền 420.000.000đ, không thỏa thuận lãi suất, thời hạn vay 03 ngày. Khi vay tiền, bà Ka Th có viết và ký giấy mượn tiền. Đến hạn, mặc dù bà T đã đòi nhiều lần nhưng bà Ka Th vẫn không trả nợ như đã cam kết. Do bà Ka Th vay tiền để đáo hạn khoản tiền vợ chồng bà Ka Th và ông K’ N vay ở ngân hàng. Quá trình giải quyết vụ án, ngày 20/01/2020 bà Ka Th đã trả được 120.000.000đ nên bà T yêu cầu vợ chồng ông K’ N, bà Ka Th phải trả lại số tiền gốc còn nợ là 300.000.000đ và yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật kể từ ngày vay cho đến nay. Bà T đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời đã áp dụng tại Quyết định số 10/2019/QĐ-BPKCTT ngày 28/8/2019.

* *Bị đơn bà Ka Th trình bày:*

Bà Ka Th đồng ý với lời trình bày của bà T về việc vay nợ. Bà Ka Th cho rằng việc vay tiền là việc riêng của bà Ka Th và bà T không liên quan gì tới chồng bà là ông

K' N. Bà Ka Th đồng ý trả lại cho bà T số tiền còn nợ là 420.000.000đ và đồng ý trả lãi theo quy định của pháp luật.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông K' N đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vẫn cố tình không đến làm việc. Vì vậy không có lời khai của ông K' N tại Tòa án.*

Vụ án không tiến hành hòa giải được do nguyên đơn bà Hồ Thị T có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về T tụng: Bà Hồ Thị T có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng giải quyết về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” với vợ chồng ông K' N, bà Ka Th. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật T tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn bà Ka Th và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông K' N đã được Tòa án triệu tập họp lệ (niêm yết) nhưng vẫn vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà Ka Th và ông K' N là phù hợp với quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật T tụng dân sự.

- Về nội dung:

Vào ngày 15/8/2019 bà T có cho bà Ka Th vay số tiền 420.000.000đ, không thỏa thuận lãi suất, thời hạn vay 03 ngày để đáo hạn ngân hàng. Đến hạn, bà T đã đòi nhiều lần nhưng bà Ka Th vẫn không trả nợ như đã cam kết nên hai bên xảy ra tranh chấp.

Quá trình giải quyết vụ án, bà T đã cung cấp cho Tòa án bản gốc 01 giấy vay tiền có chữ ký của bà Ka Th, người làm chứng là bà Võ Thị Bích Năm. Ông K' N mặc dù đã nhiều lần được Tòa án triệu tập họp lệ (niêm yết) nhưng vẫn không có mặt để làm việc, cũng không gửi bản khai đến Tòa án để bảo vệ quyền lợi của mình.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, lời trình bày của đương sự thì thấy rằng: Việc bà T và bà Ka Th có giao dịch với nhau bằng việc cho vay tiền là có thật. Quá trình giao dịch, hai bên đã thể hiện bằng giấy tờ cụ thể. Theo giấy biên nhận vay tiền thì bà Ka Th ghi rõ vay tiền để đáo hạn ngân hàng. Bà Võ Thị Bích Năm là người làm chứng cũng cam kết việc bà T cho bà Ka Th vay tiền là để đáo hạn ngân hàng và ông Ka N cũng biết. Quá trình giải quyết vụ án, ngày 20/01/2020 bà Ka Th đã trả được 120.000.000đ nên cần buộc vợ chồng ông K' N, bà Ka Th cùng phải có trách nhiệm trả nợ cho bà T số tiền còn nợ 300.000.000đ là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về lãi suất:

Theo nội dung giấy mượn tiền thì hai bên không ghi mức lãi suất thỏa thuận. Căn cứ vào khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự thì mức lãi suất không được vượt quá 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự chấp nhận mức lãi suất là 50% x 20%/năm tương đương 0,83%/tháng là phù hợp, tiền lãi được tính như sau:

- Từ ngày vay 15/8/2019 đến ngày 20/01/2020 tính tròn là 05 tháng, thành tiền là: 420.000.000đ x 0,83%/tháng x 05 tháng = 17.430.000đ;

- Từ ngày vay 21/01/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm 14/5/2020 tính tròn là 04 tháng, thành tiền là: 300.000.000đ x 0,83%/tháng x 04 tháng = 9.960.000đ;

Từ những phân tích nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà T đối với vợ chồng ông K' N, bà Ka Th; Buộc vợ chồng ông K' N, bà Ka Th phải có trách nhiệm trả cho bà T tổng số tiền là 327.390.000đ, trong đó: Tiền gốc là 300.000.000đ và tiền lãi là 27.390.000đ.

- Về việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời:

Tại Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 10/2019/QĐ-BPKCTT ngày 28/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng đã phong tỏa tài sản là thửa đất số 544, tờ bản đồ số 120, diện tích 803m² (trong đó có 178m² đất ở và 625m² đất trồng cây lâu năm) tại xã L, huyện B đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lâm Đồng cấp giấy chứng nhận số hiệu CQ 369952 ngày 25/03/2019 mang tên bà Ka Th và thửa đất số 346, tờ bản đồ số 121, diện tích 1.722,2m² đất trồng cây lâu năm tại xã L, huyện B đã được Ủy ban nhân dân huyện B cấp giấy chứng nhận số hiệu BY 114168 ngày 04/03/2015 mang tên ông K' N, bà Ka Th.

Do yêu cầu khởi kiện của bà T được chấp nhận, vợ chồng ông K' N, bà Ka Th vẫn còn nợ tiền của bà T và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà T đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa tài sản nói trên để đảm bảo cho việc thi hành án. Vì vậy cần tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời nói trên để đảm bảo cho việc thi hành án là phù hợp và có cơ sở pháp luật.

Hủy bỏ Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 10/2019/QĐ-BPBD ngày 28/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng là phù hợp với quy định của pháp luật.

Trả lại cho bà Hồ Thị T toàn bộ tài sản bảo đảm là số tiền 40.000.000đ (*Bốn mươi triệu đồng*) tại Ngân hàng N- Chi nhánh B Lâm Đồng II theo tài khoản tiền gửi thanh toán cá nhân số 5495205000917 mở ngày 28/8/2019.

- Về án phí: Vợ chồng ông K' N, bà Ka Th phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Cụ thể là: 327.390.000đ x 5% = 16.369.500đ.

Bà Hồ Thị T không phải chịu tiền án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 463, Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về “*Mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án*”. Xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị T đối với vợ chồng ông K' N, bà Ka Th về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*”.

Buộc vợ chồng ông K' N, bà Ka Th phải có trách nhiệm trả cho bà Hồ Thị T tổng số tiền là 327.390.000đ (*Ba trăm hai mươi bảy triệu ba trăm chín mươi ngàn đồng*); trong đó: Tiền gốc là 300.000.000đ và tiền lãi là 27.390.000đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2/ Về việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời:

- Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời đã áp dụng tại Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 10/2019/QĐ-BPKCTT ngày 28/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng đã phong tỏa tài sản là thửa đất số 544, tờ bản đồ số 120, diện tích 803m² (trong đó có 178m² đất ở và 625m² đất trồng cây lâu năm) tại xã L, huyện B đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lâm Đồng cấp giấy chứng nhận số hiệu CQ 369952 ngày 25/03/2019 mang tên bà Ka Th và thửa đất số 346, tờ bản đồ số 121, diện tích 1.722,2m² đất trồng cây lâu năm) tại xã L, huyện B đã được Ủy ban nhân dân huyện B cấp giấy chứng nhận số hiệu BY 114168 ngày 04/03/2015 mang tên ông K' N, bà Ka Th.

- Hủy bỏ Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 10/2019/QĐ-BPBD ngày 28/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

- Trả lại cho bà Hồ Thị T toàn bộ tài sản bảo đảm là số tiền 40.000.000đ (*Bốn mươi triệu đồng*) tại Ngân hàng N- Chi nhánh B Lâm Đồng II theo tài khoản tiền gửi thanh toán cá nhân số 5495205000917 mở ngày 28/8/2019.

3/ Về án phí:

Vợ chồng ông K' N, bà Ka Th phải chịu 16.369.500đ (*Mười sáu triệu ba trăm sáu mươi chín ngàn năm trăm đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Hồ Thị T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bà Hồ Thị T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 10.400.000đ (*Mười triệu bốn trăm ngàn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA /2016/0013118 ngày 28 tháng 8 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

4/ Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được Tng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Nguyễn Đức Trường